

Đồng Nai, ngày 08 tháng 4 năm 2021

CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN
BỘ LUẬT LAO ĐỘNG

Câu 1: *Đối tượng nào sau đây không phải là đối tượng áp dụng của Bộ luật Lao động năm 2019?*

- A. Người lao động Việt Nam, người học nghề, người tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động.
- B. Người sử dụng lao động.
- C. Người nước ngoài làm việc ở nước ngoài.
- D. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Câu 2: *Độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động được quy định trong Bộ luật Lao động năm 2019 là bao nhiêu?*

- A. Đủ 13 tuổi
- B. Đủ 15 tuổi, trừ trường hợp là lao động chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
- C. Đủ 16 tuổi.
- D. Đủ 18 tuổi.

Câu 3: *Người lao động có quyền nào sau đây?*

- A. Làm việc, tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp và không bị phân biệt đối xử.
- B. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Đình công; Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe trong quá trình thực hiện công việc.

Câu 4: *Người lao động không có nghĩa vụ nào sau đây?*

- A. Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác.
- B. Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động, tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

- C. Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn vệ sinh lao động.
- D. Phải trả chi phí cho việc tuyển dụng lao động.

Câu 5: *Người sử dụng lao động không có quyền nào sau đây?*

- A. Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lý kỷ luật lao động.
- B. Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật.
- C. Đóng cửa tạm thời nơi làm việc.
- D. Yêu cầu người lao động phải trả chi phí cho việc tuyển dụng lao động.

Câu 6: *Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, hành vi nào sau đây không bị nghiêm cấm?*

- A. Phân biệt đối xử trong lao động.
- B. Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động; quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
- C. Học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp.
- D. Lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, tập nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động hoặc dụ dỗ, ép buộc người học nghề, người tập nghề vào hoạt động trái pháp luật.

Câu 7: *Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, hợp đồng lao động được hiểu như thế nào?*

- A. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.
- B. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động.
- C. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về các nội dung theo thỏa ước lao động của doanh nghiệp.
- D. Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 8: *Người lao động được quyền giao kết bao nhiêu hợp đồng lao động với bao nhiêu người sử dụng lao động?*

- A. Chỉ 01 hợp đồng lao động và với 01 người sử dụng lao động

- B. Tối đa 02 hợp đồng lao động và với 02 người sử dụng lao động.
- C. Tối đa 03 hợp đồng lao động và với 03 người sử dụng lao động.
- D. Người lao động có thể giao kết nhiều hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết.

Câu 9: Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người lao động có quyền ký bao nhiêu hợp đồng lao động xác định thời hạn với một người sử dụng lao động?

- A. Theo thỏa thuận của các bên.
- B. Tối đa 2 lần.
- C. Tối đa 3 lần.
- D. Nhiều lần.

Câu 10: Không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới bao nhiêu tháng?

- A. 01 tháng.
- B. 02 tháng.
- C. 03 tháng.
- D. 06 tháng.

Câu 11: Thời gian thử việc đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên là bao nhiêu ngày?

- A. Không quá 50 ngày.
- B. Không quá 60 ngày.
- C. Không quá 70 ngày.
- D. Không quá 80 ngày.

Câu 12: Thời gian thử việc đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp là bao nhiêu ngày?

- A) Không quá 60 ngày.
- B) Không quá 120 ngày.
- C) Không quá 140 ngày.
- D) Không quá 180 ngày.

Câu 13: *Người lao động không được tạm hoãn hợp đồng lao động trong trường hợp nào sau đây?*

- A. Người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.
- B. Người lao động bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.
- C. Người lao động bị kết án tù có thời hạn trong vụ án hình sự.
- D. Người lao động phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

Câu 14: *Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, người sử dụng lao động có nghĩa vụ gì?*

- A. Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết.
- B. Phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc.
- C. Phải trả tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 15: *Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, người lao động có nghĩa vụ gì?*

- A. Không được trợ cấp thôi việc, phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và hoàn trả cho người sử dụng lao động chi phí đào tạo.
- B. Phải bồi thường cho người sử dụng lao động một khoản tiền tương ứng với 1/2 số tiền lương tháng cuối cùng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động.
- C. Được hưởng các chế độ trợ cấp thôi việc.
- D. Bồi thường cho người sử dụng lao động 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động.

Câu 16: *Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động được tính như thế nào?*

- A. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.
- B. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp và

thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

- C. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động.
- D. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

Câu 17: *Chọn đáp án đúng về định nghĩa hoạt động cho thuê lại lao động sau đây?*

- A. Là ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
- B. Chỉ được thực hiện bởi các doanh nghiệp có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.
- C. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Hoạt động cho thuê lại lao động chỉ áp dụng đối với một số công việc nhất định.

Câu 18: *Nội dung nào sau đây không phải là quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động?*

- A. Thông báo cho người lao động biết nội dung của hợp đồng cho thuê lại lao động.
- B. Thông báo cho bên thuê lại lao động biết sơ yếu lý lịch của người lao động, yêu cầu của người lao động.
- C. Bảo đảm trả lương cho người lao động thuê lại không thấp hơn tiền lương của người lao động của bên thuê lại lao động có cùng trình độ, làm cùng công việc hoặc công việc có giá trị như nhau.
- D. Thỏa thuận với người lao động thuê lại về làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ theo quy định của Bộ luật Lao động.

Câu 19: *Ngoài các quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, người lao động thuê lại còn có các quyền và nghĩa vụ nào sau đây?*

- A. Thực hiện công việc theo hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động.
- B. Khiếu nại với doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong trường hợp bị bên thuê lại lao động vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê lại lao động.
- C. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với doanh nghiệp cho thuê lại lao động để giao kết hợp đồng lao động với bên thuê lại lao động.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 20: Nội dung nào sau đây là đúng khi nói về hình thức giao kết của Hợp đồng lao động?

- A. Hợp đồng lao động chỉ được giao kết bằng văn bản.
- B. Hợp đồng lao động chỉ được giao kết bằng lời nói.
- C. Hình thức hợp đồng lao động là do hai bên thỏa thuận.
- D. Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản, có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng.

Câu 21: Hợp đồng lao động có thể giao kết bằng lời nói trong trường hợp nào sau đây?

- A. Đối với công việc tạm thời có thời hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
- B. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 12 tháng.
- C. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 01 tháng.
- D. Đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 9 tháng.

Câu 22: Khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên thì mức trợ cấp thôi việc như thế nào?

- A. Mỗi năm làm việc được trợ cấp 2 tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật.
- B. Mỗi năm làm việc được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật.
- C. Mỗi năm làm việc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật.
- D. Mỗi năm làm việc được trợ cấp 01 tháng tiền lương, trừ trường hợp đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật.

Câu 23: Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, cơ quan nào có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu?

- A. Tòa án nhân dân.
- B. Thanh tra lao động.
- C. UBND cấp huyện.
- D. Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố.

Câu 24: Người lao động được trả lương như thế nào trong thời gian thử việc?

- A. 100% mức lương của công việc đó.
- B. Mức lương do hai bên thỏa thuận.
- C. Do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất phải bằng 85% mức lương của công việc đó.

D. Ít nhất 85% tiền lương của công việc đó.

Câu 25: Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì bên yêu cầu phải báo trước cho bên kia biết về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung ít nhất bao nhiêu ngày?

- A. 03 ngày làm việc.
- B. 05 ngày làm việc.
- C. 07 ngày làm việc.
- D. 10 ngày làm việc.

Câu 26: Theo Bộ luật lao động năm 2019, việc làm là gì?

- A. Là sự tác động của con người để tạo ra sản phẩm.
- B. Là công việc được trả lương hàng tháng.
- C. Là việc người lao động tạo ra sản phẩm và được trả lương tương ứng với sản phẩm.
- D. Là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

Câu 27: Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người sử dụng lao động không được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào sau đây?

- A. Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 03 tháng liên tục đối với người làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- B. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
- C. Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định.
- D. Người lao động làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn và bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục.

Câu 28: Trường hợp nào sau đây, người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động?

- A. Người lao động ốm đau hoặc bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đang điều trị, điều dưỡng theo quyết định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.
- B. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động.
- C. Người lao động đang nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người sử dụng lao động đồng ý.
- D. Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Câu 29: *Người sử dụng lao động và người lao động có quyền huỷ bỏ việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trước khi hết thời hạn báo trước hay không?*

- A. Có.
- B. Không.
- C. Tùy trường hợp.
- D. Có, nhưng phải thông báo bằng văn bản và phải được bên kia đồng ý.

Câu 30: *Trong trường hợp nào sau đây người sử dụng lao động chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm?*

- A. Trong trường hợp thay đổi cơ cấu công nghệ.
- B. Trong trường hợp khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp, hợp tác xã.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Trong trường hợp vì lý do kinh tế.

Câu 31: *Khẳng định nào sau đây là đúng về Phụ lục hợp đồng lao động?*

- A. Phụ lục hợp đồng lao động là một bộ phận của hợp đồng lao động.
- B. Phụ lục hợp đồng có hiệu lực như hợp đồng lao động.
- C. Phụ lục hợp đồng lao động quy định chi tiết một số điều, khoản của hợp đồng lao động nhưng không được sửa đổi thời hạn của hợp đồng lao động.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 32: *Người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất bao nhiêu ngày khi tạm thời chuyển người lao động làm việc khác so với hợp đồng lao động?*

- A. 03 ngày làm việc.
- B. 05 ngày làm việc.
- C. 07 ngày làm việc.
- D. 10 ngày làm việc.

Câu 33: *Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người sử dụng lao động và người lao động cần phải đảm bảo những nguyên tắc nào khi giao kết hợp đồng lao động?*

- A. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Không được trái thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.
- D. Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật.

Câu 34: *Khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động, những hành vi nào sau đây người sử dụng lao động không được làm?*

- A. Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động.
- B. Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động.
- C. Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 35: *Hợp đồng đào tạo nghề bao gồm các nội dung chủ yếu nào sau đây?*

- A. Nghề đào tạo; địa điểm, thời hạn; tiền lương trong thời gian được đào tạo.
- B. Thời hạn người lao động cam kết phải làm việc cho người sử dụng lao động sau khi được đào tạo.
- C. Chi phí đào tạo và trách nhiệm hoàn trả chi phí đào tạo; trách nhiệm của người sử dụng lao động, trách nhiệm của người lao động.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 36: *Trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm hoãn hợp đồng lao động, người lao động phải có mặt tại nơi làm việc?*

- A. Trong thời hạn 05 ngày.
- B. Trong thời hạn 10 ngày.
- C. Trong thời hạn 15 ngày.
- D. Trong thời hạn 20 ngày.

Câu 37: *Người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước bao nhiêu ngày khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với loại hợp đồng không xác định thời hạn?*

- A. Ít nhất 45 ngày.
- B. Ít nhất 30 ngày.
- C. Ít nhất 20 ngày.
- D. Ít nhất 25 ngày.

Câu 38: *Người sử dụng lao động không được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào dưới đây?*

- A. Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

- B. Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên.
- C. Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa hoặc di dời, thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc.
- D. Người lao động nữ mang thai; người lao động đang nghỉ thai sản hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Câu 39: Nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của người lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

- A. Không được trợ cấp thôi việc.
- B. Phải hoàn trả chi phí đào tạo cho người sử dụng lao động theo quy định.
- C. Phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương theo hợp đồng lao động và một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong những ngày không báo trước.
- D. Phải bồi thường cho người sử dụng lao động 02 tháng lương theo hợp đồng lao động.

Câu 40: Chọn đáp án sai về mục đích của đối thoại tại nơi làm việc?

- A. Nhằm chia sẻ thông tin.
- B. Tăng cường sự hiểu biết, hợp tác, cùng nỗ lực hướng tới giải pháp các bên cùng có lợi.
- C. Nhằm trao đổi ý kiến giữa người sử dụng lao động với người lao động về những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích và mối quan tâm của các bên tại nơi làm việc.
- D. Nhằm báo cáo tình hình quản lý của người sử dụng lao động với cấp trên.**

Câu 41: Tiền lương được định nghĩa như thế nào tại Bộ luật Lao động năm 2019?

- A. Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.
- B. Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động.
- C. Tiền lương là khoản tiền mà người lao động được nhận cho công việc mình làm.
- D. Là khoản tiền mà người lao động được trả cho công việc của mình.

Câu 42: Khi làm thêm giờ vào ngày thường, người lao động được trả lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm như thế nào?

- A. Ít nhất bằng 150%.
- B. Ít nhất bằng 250%.
- C. Ít nhất bằng 200%.
- D. Ít nhất bằng 160%.

Câu 43: *Người học nghề, tập nghề đủ bao nhiêu tuổi trở thì người sử dụng lao động mới được tuyển vào đào tạo để làm việc cho mình?*

- A. Đủ 14 tuổi.
- B. Đủ 12 tuổi.
- C. Đủ 16 tuổi.
- D. Đủ 18 tuổi.

Câu 44. *Người lao động làm việc vào ban đêm được trả lương như thế nào?*

- A. Được trả thêm ít nhất bằng 10% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm theo ban ngày.
- B. Được trả thêm ít nhất bằng 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm theo ban ngày.
- C. Được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- D. Được trả thêm ít nhất bằng 50% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương của công việc đang làm theo ban ngày.

Câu 45: *Theo Bộ Luật Lao động năm 2019, nếu phải ngừng việc do lỗi của người lao động thì người đó được trả lương như thế nào?*

- A. Người đó không được trả lương.
- B. Người đó chỉ được trả một nửa tiền lương.
- C. Người đó được trả lương theo thoả thuận của hai bên.
- D. Người đó được trả đủ tiền lương theo hợp đồng lao động.

Câu 46: *Theo Bộ luật Lao động năm 2019, nếu vì sự cố điện nước hoặc do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh phải ngừng việc thì người lao động được trả lương như thế nào?*

- A. Tiền lương do hai bên thoả thuận, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu.
- B. Ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở xuống thì tiền lương ngừng việc được thoả thuận không thấp hơn mức lương tối thiểu; trên 14 ngày làm việc thì tiền lương

ngừng việc do hai bên thỏa thuận nhưng phải bảo đảm tiền lương ngừng việc trong 14 ngày đầu tiên không thấp hơn mức lương tối thiểu.

C. Người lao động không được trả lương.

D. Tiền lương do hai bên thỏa thuận.

Câu 47: Cơ quan nào có thẩm quyền tuyên bố Thỏa ước Lao động tập thể vô hiệu?

A. Tòa án nhân dân.

B. Thanh tra tỉnh, thành phố.

C. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố.

D. Sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh, thành phố.

Câu 48: Khi thương lượng tập thể tại doanh nghiệp, số lượng người tham gia của mỗi bên (bên người sử dụng lao động và bên đại diện tổ chức người lao động) là bao nhiêu?

A. Mỗi bên tham gia 03 người.

B. Mỗi bên tham gia 05 người.

C. Mỗi bên tham gia 07 người.

D. Số lượng người tham gia của mỗi bên do các bên thỏa thuận

Câu 49: Nội dung nào sau đây không thuộc nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế?

A. Xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định

B. Phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm mà phải cho người lao động thôi việc.

C. Phải thông báo trước 30 ngày cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm mà phải cho người lao động thôi việc.

D. Trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm tại doanh nghiệp cho người lao động thì phải tìm công việc mới ở đơn vị khác cho người lao động.

Câu 50. Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về thời hạn cho thuê lại lao động đối với người lao động tối đa là bao nhiêu tháng?

A. 06 tháng.

B. 12 tháng.

C. Theo thỏa thuận giữa bên cho thuê và bên thuê lại.

D. Theo thỏa thuận giữa bên cho thuê và người lao động.

Câu 51: Theo Bộ luật Lao động năm 2019, thưởng là gì?

- A. Là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.
- B. Là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động khi đạt thành tích xuất sắc trong lao động.
- C. Là tài sản mà người sử dụng lao động trả thêm cho người lao động khi doanh nghiệp có doanh thu cao hơn chỉ tiêu đề ra.
- D. Là khoản tiền người sử dụng lao động thỏa thuận trả cho người lao động theo hợp đồng lao động.

Câu 52: Theo Bộ luật Lao động năm 2019, thời giờ làm việc bình thường không quá bao nhiêu giờ trong 01 tuần?

- A. 56 giờ.
- B. Số giờ không quá do người sử dụng lao động quy định.
- C. 48 giờ.
- D. 40 giờ.

Câu 53: Theo Bộ luật Lao động năm 2019, giờ làm việc ban đêm được tính như thế nào?

- A. Từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.
- B. Từ 20 giờ đến 06 giờ ngày hôm sau.
- C. Từ 21 giờ đến 05 giờ sáng hôm sau
- D. Từ 22 giờ đến 07 giờ sáng hôm sau.

Câu 54: Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ bằng bao nhiêu giờ làm việc bình thường trong ngày?

- A. 40%.
- B. 50%.
- C. 45%.
- D. 55%.

Câu 55: Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp nào sau đây?

- A. Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản; Sản xuất, cung cấp điện, viễn thông, lọc dầu; cấp, thoát nước.

- B. Trường hợp giải quyết công việc đòi hỏi lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao mà thị trường lao động không cung ứng đầy đủ, kịp thời.
- C. Trường hợp phải giải quyết công việc cấp bách, không thể trì hoãn do tính chất thời vụ, thời điểm của nguyên liệu, sản phẩm hoặc để giải quyết công việc phát sinh do yếu tố khách quan không dự liệu trước, do hậu quả thời tiết, thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, thiếu điện, thiếu nguyên liệu, sự cố kỹ thuật của dây chuyền sản xuất.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 56: Người lao động làm việc theo thời giờ làm việc bình thường từ 06 giờ trở lên trong một ngày thì được nghỉ giữa giờ ít nhất là bao nhiêu phút?

- A. 30 phút liên tục.
- B. 30 phút.
- C. 40 phút.
- D. 60 phút.

Câu 57: Mỗi tuần, người lao động được nghỉ ít nhất là bao nhiêu giờ?

- A. 48 giờ.
- B. 24 giờ.
- C. 24 giờ liên tục.
- D. 48 giờ liên tục.

Câu 58: Theo quy định Bộ luật Lao động, người lao động Việt Nam được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương bao nhiêu ngày lễ, Tết trong 01 năm?

- A. 12 ngày.
- B. 11 ngày.
- C. 15 ngày.
- D. 14 ngày.

Câu 59: Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động trong điều kiện làm việc bình thường thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động là bao nhiêu ngày?

- A. 12 ngày làm việc.
- B. 10 ngày làm việc.
- C. 13 ngày làm việc.
- D. 14 ngày làm việc.

Câu 60: Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động khi kết hôn là bao nhiêu ngày?

- A. 4 ngày.
- B. 03 ngày.
- C. 02 ngày.
- D. 5 ngày.

Câu 61: *Người lao động được nghỉ không hưởng lương 01 ngày và phải thông báo với người sử dụng lao động trong trường hợp nào?*

- A. Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết.
- B. Cha hoặc mẹ kết hôn.
- C. Anh, chị, em ruột kết hôn.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 62: *Theo Bộ luật Lao động năm 2019, kỷ luật lao động là gì?*

- A. Là những quy định về việc tuân theo thời gian, công nghệ và điều hành sản xuất, kinh doanh do người sử dụng lao động ban hành trong nội quy lao động và do pháp luật quy định.
- B. Là quy định về việc tuân theo thời gian do người sử dụng lao động ban hành.
- C. Là quy định về việc tuân theo công nghệ và điều hành sản xuất do pháp luật quy định.
- D. Là quy định về điều kiện sản xuất kinh doanh do nhà nước quy định.

Câu 63: *Khi một người lao động đồng thời có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật lao động thì xử lý như thế nào?*

- A. Tổng hợp xử lý tất cả hành vi vi phạm.
- B. Xử lý kỷ luật đối với từng hành vi theo nguyên tắc cuốn chiếu.
- C. Chỉ xử lý hình thức kỷ luật thấp nhất.
- D. Chỉ áp dụng hình thức kỷ luật cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm nặng nhất.

Câu 64: *Hình thức xử lý kỷ luật sa thải được người sử dụng lao động áp dụng trong những trường hợp nào?*

- A. Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy tại nơi làm việc.
- B. Người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản,

lợi ích của người sử dụng lao động hoặc quấy rối tình dục tại nơi làm việc được quy định trong nội quy lao động.

- C. Người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương hoặc cách chức mà tái phạm trong thời gian chưa xóa kỷ luật. Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 65: *Những hành vi nào bị nghiêm cấm khi xử lý kỷ luật lao động?*

- A. Xâm phạm thân thể, nhân phẩm của người lao động.
- B. Dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động hoặc không thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã giao kết hoặc pháp luật về lao động không có quy định.

Câu 66: *Người lao động có trách nhiệm như thế nào trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?*

- A. Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.
- B. Chấp hành nội quy lao động.
- C. Tuân thủ pháp luật về lao động.
- D. Có kỹ năng, kiến thức về an toàn, vệ sinh, lao động.

Câu 67: *Lao động nữ sinh 01 con được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là mấy tháng?*

- A. 04 tháng.
- B. 06 tháng.
- C. 05 tháng.
- D. Số tháng nghỉ theo thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 68: *Theo Bộ luật Lao động năm 2019 thì người lao động chưa thành niên là?*

- A. Người lao động dưới 16 tuổi.
- B. Người lao động dưới 15 tuổi.
- C. Người lao động dưới 20 tuổi.
- D. Người lao động chưa đủ 18 tuổi.

Câu 69: *Khi sử dụng lao động chưa thành niên, người sử dụng lao động phải có sự đồng ý của ai?*

- A. Cha, mẹ nuôi của người lao động.
- B. Ông bà của người lao động.
- C. Anh chị ruột của người lao động.
- D. Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người lao động.

Câu 70: *Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi không được quá bao nhiêu giờ trong 01 ngày?*

- A. 06 giờ.
- B. 04 giờ.
- C. 5 giờ.
- D. 08 giờ.

Câu 71: *Công việc nào dưới đây cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi?*

- A. Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên.
- B. Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;

Câu 72: *Những nơi nào dưới đây cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc?*

- A. Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Công trường xây dựng.
- D. Cơ sở giết mổ gia súc.

Câu 73: *Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm những nghề, công việc nào?*

- A. Công việc nặng nhọc.
- B. Công việc độc hại, nguy hiểm.
- C. Công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại.
- D. Những nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn.

Câu 74: *Thời hạn của giấy phép lao động tối đa là bao lâu?*

- A. 02 năm, trường hợp gia hạn thì chỉ được gia hạn một lần với thời hạn tối đa là 02 năm.
- B. 01 năm.
- C. 01 năm 6 tháng.
- D. 03 năm.

Câu 75: *Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhà thầu chỉ được tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm vị trí công việc nào?*

- A. Chỉ vị trí Giám đốc điều hành.
- B. Lao động phổ thông.
- C. Chỉ tuyển lao động là chuyên gia.
- D. Công việc quản lý, điều hành, chuyên gia và lao động kỹ thuật mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Câu 76: *Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì khi sử dụng người lao động là người khuyết tật?*

- A. Phải bảo đảm về điều kiện lao động, công cụ lao động, an toàn, vệ sinh lao động.
- B. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ phù hợp với người lao động là người khuyết tật.
- C. Cả 03 đáp án còn lại.
- D. Tham khảo ý kiến của người lao động là người khuyết tật khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của họ.

Câu 77: *Lao động là người giúp việc gia đình là người lao động làm thường xuyên các công việc nào?*

- A. Công việc nội trợ, quản gia, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người bệnh, chăm sóc người già, lái xe, làm vườn và các công việc khác cho hộ gia đình nhưng không liên quan đến hoạt động thương mại.
- B. Công việc chăm sóc người bệnh.
- C. Công việc làm vườn.
- D. Công việc lái xe.

Câu 78: *Nội dung nào sau đây là nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi sử dụng lao động là người giúp việc gia đình?*

- A. Thực hiện đầy đủ thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng lao động.
- B. Trả cho người giúp việc gia đình khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật để người lao động chủ động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.
- C. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người giúp việc gia đình.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 79: *Chọn đáp án sai. Người sử dụng lao động là người giúp việc gia đình có nghĩa vụ gì?*

- A. Bố trí chỗ ăn, ở hợp vệ sinh cho người giúp việc gia đình nếu có thỏa thuận.
- B. Không yêu cầu người lao động bồi thường thiệt hại nếu làm hỏng, mất tài sản của người sử dụng lao động.
- C. Tạo cơ hội cho người giúp việc gia đình được tham gia học văn hóa, giáo dục nghề nghiệp.
- D. Trả tiền tàu xe đi đường khi người giúp việc gia đình thôi việc về nơi cư trú, trừ trường hợp người giúp việc gia đình chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

Câu 80: *Người lao động là người giúp việc gia đình có nghĩa vụ như thế nào?*

- A. Thực hiện đầy đủ thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng lao động. Phải bồi thường theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nếu làm hỏng, mất tài sản của người sử dụng lao động.
- B. Thông báo kịp thời với người sử dụng lao động về khả năng, nguy cơ gây tai nạn, đe dọa an toàn, sức khỏe, tính mạng, tài sản của gia đình người sử dụng lao động và bản thân.
- C. Tố cáo với cơ quan có thẩm quyền nếu người sử dụng lao động có hành vi ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 81: *Những hành vi nào bị nghiêm cấm đối với người sử dụng lao động khi sử dụng lao động là người giúp việc gia đình?*

- A. Ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động, dùng vũ lực đối với lao động là người giúp việc gia đình.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Giao việc cho người giúp việc gia đình không theo hợp đồng lao động.
- D. Giữ giấy tờ tùy thân của người lao động.

Câu 82: *Theo quy định của Bộ luật Lao động, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ bao nhiêu tuổi?*

- A. 62 tuổi đối với lao động nam và 58 tuổi đối với lao động nữ.
- B. 65 tuổi đối với lao động nam và 60 tuổi đối với lao động nữ.
- C. 62 tuổi đối với lao động nam và 56 tuổi đối với lao động nữ.
- D. 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

Câu 83: Năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được tính như thế nào?

- A. Đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ.
- B. Đủ 60 tuổi đối với lao động nam và đủ 55 tuổi đối với lao động nữ.
- C. Đủ 61 tuổi đối với lao động nam và đủ 56 tuổi đối với lao động nữ.
- D. Đủ 60 tuổi 06 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 06 tháng đối với lao động nữ.

Câu 84: Tranh chấp lao động tập thể về quyền là tranh chấp giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động phát sinh trong những trường hợp nào?

- A. Có sự khác nhau trong việc hiểu và thực hiện quy định của thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế và thỏa thuận hợp pháp khác.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Có sự khác nhau trong việc hiểu và thực hiện quy định của pháp luật về lao động.
- D. Khi người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử đối với người lao động, thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động vì lý do thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động; can thiệp, thao túng tổ chức đại diện người lao động; vi phạm nghĩa vụ về thương lượng thiện chí.

Câu 85: Người sử dụng lao động phải ban hành nội quy lao động bằng văn bản nếu sử dụng từ bao nhiêu lao động trở lên?

- A. Từ 20 người lao động trở lên.
- B. Từ 30 người lao động trở lên.
- C. Từ 25 người lao động trở lên.
- D. Từ 10 người lao động trở lên.

Câu 86: Theo quy định của Bộ luật Lao động từ năm 2021, người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương đối với lễ Quốc khánh 02-9 là bao nhiêu ngày?

- A. 02 ngày.
- B. 03 ngày.
- C. 01 ngày.
- D. 04 ngày.

Câu 87: Người lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm làm đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động là bao nhiêu ngày?

- A. 12 ngày.

- B. 13 ngày.
- C. 14 ngày làm việc.
- D. 12 ngày làm việc.

Câu 88: *Người sử dụng lao động sử dụng từ bao nhiêu lao động trở lên thì phải đăng ký nội quy lao động tại cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động đăng ký kinh doanh?*

- A. Từ 10 người lao động trở lên.
- B. Từ 20 lao động trở lên.
- C. Từ 30 lao động trở lên.
- D. Từ 40 lao động trở lên.

Câu 89: *Không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động đang trong thời gian nào sau đây?*

- A. Nghỉ ốm đau, điều dưỡng; nghỉ việc được sự đồng ý của người sử dụng lao động; Đang bị tạm giữ, tạm giam;
- B. Đang chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra xác minh và kết luận đối với hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 125 của Bộ luật này;
- C. C. Người lao động nữ mang thai; người lao động nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 90: *Theo quy định của Bộ luật Lao động, thời hiệu xử lý kỷ luật lao động là bao lâu?*

- A. 04 tháng, kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm.
- B. 05 tháng, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm.
- C. 06 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm; trường hợp hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản, tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của người sử dụng lao động thì thời hiệu xử lý kỷ luật lao động là 12 tháng.
- D. 06 tháng, kể từ ngày phát hiện hiện hành vi vi phạm.

Câu 91: *Có mấy hình thức xử lý kỷ luật lao động? Đó là những hình thức nào?*

- A. 04 hình thức. Đó là: Khiển trách; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; Cách chức; Sa thải.
- B. 02 hình thức. Đó là: Khiển trách và kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng.
- C. Có 03 hình thức. Đó là: Khiển trách, cách chức và sa thải.
- D. Có 04 hình thức. Đó là: Khiển trách, trừ lương, cách chức và sa thải.

Câu 92: Trong giải quyết tranh chấp lao động, hai bên tranh chấp có những quyền nào sau đây?

- A. Trực tiếp hoặc thông qua đại diện để tham gia vào quá trình giải quyết.
- B. Rút đơn hoặc thay đổi nội dung yêu cầu
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Yêu cầu thay đổi người tiến hành giải quyết tranh chấp lao động nếu có lý do cho rằng người đó có thể không vô tư hoặc không khách quan.

Câu 93: Người sử dụng lao động có những quyền nào sau đây trước và trong quá trình đình công?

- A. Chấp nhận toàn bộ hoặc một phần yêu cầu và thông báo bằng văn bản cho tổ chức đại diện người lao động đang tổ chức và lãnh đạo đình công.
- B. Đóng cửa tạm thời nơi làm việc trong thời gian đình công do không đủ điều kiện để duy trì hoạt động bình thường hoặc để bảo vệ tài sản.
- C. Yêu cầu Tòa án tuyên bố cuộc đình công là bất hợp pháp.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 94: Chọn đáp án sai. Những hành vi nào bị nghiêm cấm trước, trong và sau khi đình công?

- A. Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động không tham gia đình công.
- B. Cản trở việc thực hiện quyền đình công hoặc kích động, lôi kéo, ép buộc người lao động đình công; cản trở người lao động không tham gia đình công đi làm việc.
- C. Dùng bạo lực; hủy hoại máy, thiết bị, tài sản của người sử dụng lao động.
- D. Xâm phạm trật tự, an toàn công cộng.

Câu 95: Người nào có hành vi vi phạm quy định của Bộ luật Lao động thì bị xử lý như thế nào?

- A. Bị xử lý kỷ luật.
- B. Bị sa thải.
- C. Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- D. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Câu 96: Những hành vi nào bị nghiêm cấm trước, trong và sau khi đình công?

- A. Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động, người lãnh đạo đình công hoặc điều động người lao động, người lãnh đạo đình công sang làm công việc khác, đi làm việc ở nơi khác vì lý do chuẩn bị đình công hoặc tham gia đình công.
- B. Trù dập, trả thù người lao động tham gia đình công, người lãnh đạo đình công.
- C. Lợi dụng đình công để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 97: *Người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và một số trường hợp đặc biệt có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá bao nhiêu tuổi so với tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường?*

- A. 03 tuổi.
- B. 04 tuổi.
- C. 06 tuổi.
- D. 05 tuổi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Câu 98: *Theo quy định của Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia những loại bảo hiểm nào?*

- A. Bảo hiểm nhân thọ.
- B. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Bảo hiểm y tế.
- D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 99: *Lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ mỗi ngày bao nhiêu thời gian?*

- A. 30 phút.
- B. 45 phút.
- C. 50 phút.
- D. 60 phút trong thời gian làm việc.

Câu 100: *Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày nào?*

- A. 01/7/2020.
- B. 01/01/2021.
- C. 01/07/2021.
- D. 01/01/2020.

Câu 101: *Người sử dụng lao động có nghĩa vụ gì đối với lao động từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi làm việc ở cơ sở mình?*

- A. Giao việc phù hợp với sức khỏe, có sổ theo dõi riêng, làm công việc có trong danh mục theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và làm không được quá 04 giờ trong 01 ngày, 20 giờ trong 01 tuần.
- B. Lao động chưa thành niên là người chưa đến 18 tuổi nên chỉ được giao 1 số việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- C. Giao việc phù hợp với sức khỏe; có sổ theo dõi riêng; làm việc không quá 8 giờ trong 01 ngày, 40 giờ trong 01 tuần.
- D. Chỉ được giao công việc theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và có sổ theo dõi riêng.

Câu 102: *Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì trong việc thực hiện danh mục nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con?*

- A. Thực hiện công bố công khai để người lao động biết về những nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con đang có tại nơi làm việc
- B. Cung cấp đầy đủ thông tin về tác hại cũng như các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại của các nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con để người lao động lựa chọn, quyết định làm việc;
- C. Thực hiện khám sức khỏe trước khi bố trí làm việc, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp và bảo đảm điều kiện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 103: *Người sử dụng lao động được tuyển dụng và sử dụng người lao động chưa đủ 13 tuổi trong trường hợp nào sau đây?*

- A. Các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.
- B. Công việc giúp việc gia đình.
- C. Công việc bồi bàn tại các quán ăn gia đình.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 104: *Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, người lao động được hiểu là?*

- A. Là người làm việc được trả lương.

- B. Là người làm việc cho người sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.
- D. Là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

Câu 105: *Có bao nhiêu nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản và nuôi con của lao động nữ?*

- A. Có 45 nghề, công việc.
- B. Có 55 nghề, công việc.
- C. Có 65 nghề, công việc.
- D. Có 75 nghề, công việc.

Câu 106: *Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 thì cưỡng bức lao động được hiểu như thế nào?*

- A. Là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ.
- B. Là hành vi đánh đập người lao động.
- C. Là hành vi bắt người lao động làm những công việc nặng nhọc.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 107: *Quyền làm việc của người lao động được quy định như thế nào?*

- A. Được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm. Trực tiếp liên hệ với người sử dụng lao động hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm để tìm kiếm việc làm theo nguyện vọng, khả năng, trình độ nghề nghiệp và sức khỏe của mình.
- B. Được tự do làm những công việc mà mình thích.
- C. Được trả mức lương mà mình mong muốn.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 108: *Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động trong thời gian như thế nào sau đây?*

- A. Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng.

- D. Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng.

Câu 109: *Hợp đồng lao động đối với người chưa đủ 13 tuổi có hiệu lực khi nào?*

- A. Có hiệu lực ngay sau khi người sử dụng lao động và người lao động ký kết vào bản Hợp đồng lao động.
- B. Có hiệu lực ngay sau khi người sử dụng lao động và người đại diện theo pháp luật của lao động chưa đủ 13 tuổi ký kết vào bản Hợp đồng lao động.
- C. Hiệu lực Hợp đồng lao động do người sử dụng lao động và người đại diện theo pháp luật của lao động chưa đủ 13 tuổi thỏa thuận trong Hợp đồng lao động được khi ký kết.
- D. Hợp đồng lao động do người sử dụng lao động và người đại diện theo pháp luật của lao động chưa đủ 13 tuổi ký kết chỉ có hiệu lực khi có văn bản đồng ý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Câu 110: *Cơ quan nào có thẩm quyền đồng ý việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc?*

- A. Liên Đoàn Lao động tỉnh nơi đặt trụ sở chính ghi trên giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.
- B. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính ghi trên giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, sổ tạm trú trong trường hợp người sử dụng lao động là hộ gia đình.
- C. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đặt trụ sở chính ghi trên giấy đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.
- D. Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, sổ tạm trú của người sử dụng lao động.

Câu 111: *Hợp đồng lao động vô hiệu trong những trường hợp nào sau đây?*

- A. Toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật;
- B. Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Công việc đã giao kết trong hợp đồng lao động là công việc mà pháp luật cấm.

Câu 112: *Người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hàng năm hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động mấy ngày?*

- A. 12 ngày làm việc.

- B. 13 ngày làm việc.
- C. 14 ngày làm việc.
- D. 15 ngày làm việc.

Câu 113: *Người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm được tính như thế nào?*

- A. Tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc.
- B. Tính theo người lao động làm việc đủ 12 tháng.
- C. Tính theo tỷ lệ của người lao động làm việc không trọn thời gian.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 114: *Theo quy định của pháp luật về lao động thì ai là người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động?*

- A. Người có thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động bên phía người sử dụng lao động hoặc người được quy định cụ thể trong nội quy lao động.
- B. Là người giao kết hợp đồng lao động hoặc là người được ủy quyền xử lý kỷ luật lao động.
- C. Chỉ có người sử dụng lao động mới có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.
- D. Bất cứ người nào trong doanh nghiệp được sự ủy quyền của người sử dụng lao động.

Câu 115: *Nội dung nào sau đây là trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động nữ?*

- A. Bảo đảm thực hiện bình đẳng giới và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển dụng, bố trí, sắp xếp việc làm, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác.
- B. Tham khảo ý kiến của lao động nữ hoặc đại diện của họ khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ.
- C. Bảo đảm có đủ buồng tắm và buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 116: *Lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được giảm bớt 01 giờ làm việc hàng ngày mà vẫn hưởng đủ lương trong trường hợp nào dưới đây?*

- A. Đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi và có thông báo cho người sử dụng lao động biết.
- B. Nuôi con dưới 24 tháng tuổi.
- C. Nuôi con dưới 36 tháng tuổi.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 117: *Nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động trong việc giải quyết tranh chấp lao động như thế nào?*

- A. Cung cấp đầy đủ tài liệu cho cơ quan có thẩm quyền và thi hành mọi quyết định giải quyết tranh chấp của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- B. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thi hành mọi quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.
- C. Cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ cho cơ quan giải quyết tranh chấp. Thi hành mọi thỏa thuận đã đạt, biên bản hoà giải có kết quả, quyết định, bản án đã có hiệu lực.
- D. Cung cấp đầy đủ mọi chứng cứ, tài liệu cho các cơ quan có thẩm quyền, thi hành tốt mọi quyết định giải quyết tranh chấp của cơ quan có thẩm quyền.

Câu 118: *Trường hợp nào người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động không cần báo trước cho người lao động?*

- A. Người lao động không có mặt tại nơi làm việc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên.
- B. Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, địch họa hoặc di dời, thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải giảm chỗ làm việc.
- C. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động.
- D. Người lao động cung cấp không trung thực thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

Câu 119: *Bộ luật Lao động 2019 quy định có mấy loại hợp đồng lao động? gồm những loại nào?*

- A. Có 2 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn.
- B. Có 3 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; hợp đồng lao động xác định thời hạn và Hợp đồng lao động theo mùa vụ.
- C. Có 4 loại: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn; hợp đồng lao động xác định thời hạn; hợp đồng lao động theo mùa vụ và hợp đồng khoán công việc.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 120: *Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất phải bằng bao nhiêu so với mức lương của công việc đó?*

- A. Bằng 85%.
- B. Bằng 75 %.
- C. Bằng 80%.
- D. Bằng 90 %.

Câu 121: *Những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động?*

- A. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc. Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Sử dụng lao động chưa qua đào tạo hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.
- D. Lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo gian dối hoặc thủ đoạn khác để lừa gạt người lao động hoặc để tuyển dụng người lao động với mục đích mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc lợi dụng dịch vụ việc làm, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện hành vi trái pháp luật.

Câu 122: *Người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động?*

- A. 14 ngày làm việc.
- B. 14 ngày.
- C. 15 ngày.
- D. 20 ngày làm việc.

Câu 123: *Hợp đồng lao động bị vô hiệu toàn bộ trong trường hợp nào sau đây?*

- A. Toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật..
- B. Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm.
- C. Công việc đã giao kết trong hợp đồng lao động là công việc mà pháp luật cấm.
- D. Cả 3 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 124: *Theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 thì người lao động thưởng cho người lao động bằng những hình thức nào?*

- A. Thưởng bằng tiền.

- B. Thương bằng tài sản.
- C. Thương bằng tài sản hoặc bằng tiền
- D. Thương bằng tiền hoặc bằng tài sản hoặc bằng các hình thức khác do người sử dụng lao động quyết định sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động.

Câu 125: *Những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm khi sử dụng lao động là người khuyết tật?*

- A. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- B. Sử dụng người lao động là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm mà không có sự đồng ý của người lao động là người khuyết tật.
- C. Sử dụng người lao động là người khuyết tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm việc vào ban đêm mà không có sự đồng ý của người lao động là người khuyết tật.
- D. Sử dụng người lao động là người khuyết tật làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành mà không có sự đồng ý của người khuyết tật sau khi đã được người sử dụng lao động cung cấp đầy đủ thông tin về công việc đó.

Câu 126: *Người lao động có những quyền nào trong việc lựa chọn việc làm?*

- A. Được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào.
- B. Được tự do tìm kiếm, lựa chọn việc làm theo nguyện vọng, khả năng, trình độ nghề nghiệp và sức khỏe của mình; làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm.
- C. Được lựa chọn làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật cho phép.
- D. Được tự do tìm kiếm việc làm.

Câu 127: *Người sử dụng lao động có nghĩa vụ gì đối với người lao động cao tuổi làm việc tại cơ sở của mình?*

- A. Không được sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm có ảnh hưởng xấu tới sức khỏe người lao động cao tuổi, trừ trường hợp bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn; có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe của người lao động cao tuổi tại nơi làm việc.
- B. Thỏa thuận với người lao động về chế độ và thời giờ làm việc mềm dẻo, một ngày không làm trọn 8 tiếng, một tuần không làm quá 35 tiếng; được tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- C. Áp dụng thời giờ làm việc mềm dẻo, một ngày không làm quá 7 tiếng, 1 tuần không làm trọn 5 ngày.
- D. Trả lương cho người lao động cao tuổi bằng 2 lần những người lao động khác.

Câu 128: *Người lao động thuê lại là người lao động như thế nào?*

- A. Là người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, được doanh nghiệp cho thuê lại tuyển dụng và giao kết hợp đồng lao động, sau đó chuyển sang làm việc và chịu sự điều hành của bên thuê lại lao động.
- B. Là người lao động làm việc tại các doanh nghiệp cho thuê lại lao động.
- C. Là người lao động làm việc tại các doanh nghiệp thuê lại lao động.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 129: *Khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động, người sử dụng lao động có trách nhiệm gì?*

- A. Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động.
- B. Cung cấp bản sao các tài liệu liên quan đến quá trình làm việc của người lao động nếu người lao động có yêu cầu.
- C. Trả chi phí sao, gửi các tài liệu liên quan đến quá trình làm việc của người lao động nếu người lao động có yêu cầu.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 130: *Bên thuê lại lao động được sử dụng lao động thuê lại trong trường hợp nào sau đây?*

- A. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- B. Để thay thế người lao động đang trong thời gian thực hiện quyền đình công, giải quyết tranh chấp lao động;
- C. Không có thỏa thuận cụ thể về trách nhiệm bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động thuê lại với doanh nghiệp cho thuê lại lao động;
- D. Thay thế người lao động bị cho thôi việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ, vì lý do kinh tế hoặc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

Câu 131: *Nội dung nào sau đây là nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc?*

- A. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- B. Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch.

- C. Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
- D. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Câu 132: *Trường hợp nào dưới đây không được tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động?*

- A. Người lao động thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ;
- B. Người lao động bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự
- C. Phụ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi
- D. Lao động nữ mang thai có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền về việc tiếp tục làm việc sẽ ảnh hưởng xấu tới thai nhi.

Câu 133: *Người lao động được quyết định những nội dung nào sau đây?*

- A. Giao kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và những nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của các bên.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.
- D. Tham gia hoặc không tham gia đình công theo quy định của pháp luật. Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được để ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật;

Câu 134: *Trong những trường hợp sau, trường hợp nào đương nhiên chấm dứt hợp đồng lao động?*

- A. Hợp đồng hết hạn, hoàn thành công việc theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận chấm dứt.
- B. Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng.
- C. Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn tạm hoãn hợp đồng lao động.
- D. Người lao động bị tạm giữ, tạm giam.

Câu 135: *Hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động, người lao động gồm những nội dung nào sau đây?*

- A. Nghề đào tạo. Thời hạn cam kết phải làm việc sau khi được đào tạo.
- B. Địa điểm, thời gian và tiền lương trong thời gian đào tạo. Chi phí đào tạo và trách nhiệm hoàn trả chi phí đào tạo.
- C. Trách nhiệm của người sử dụng lao động. Trách nhiệm của người lao động.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 136: *Thời gian nào sau đây được coi là thời gian làm việc để tính số ngày nghỉ hằng năm của người lao động?*

- A. Thời gian nghỉ do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng cộng dồn không quá 6 tháng.
- B. Thời gian nghỉ do ốm đau nhưng cộng dồn không quá 02 tháng trong một năm.
- C. Thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 137: *Những hành vi nào sau đây là hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc?*

- A. Hành vi mang tính thể chất gồm hành động, cử chỉ, tiếp xúc, tác động vào cơ thể mang tính tình dục hoặc gợi ý tình dục.
- B. Quấy rối tình dục bằng lời nói gồm lời nói trực tiếp, qua điện thoại hoặc qua phương tiện điện tử có nội dung tình dục hoặc có ngụ ý tình dục.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Quấy rối tình dục phi lời nói gồm ngôn ngữ cơ thể; trưng bày, miêu tả tài liệu trực quan về tình dục hoặc liên quan đến hoạt động tình dục trực tiếp hoặc qua phương tiện điện tử.

Câu 138: *Nội dung nào sau đây là nghĩa vụ của người lao động trong phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc?*

- A. Thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
- B. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc cho người lao động.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Khi xuất hiện khiếu nại, tố cáo về hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải kịp thời ngăn chặn, xử lý và có biện pháp bảo vệ bí mật, danh dự, uy tín, nhân phẩm, an toàn cho nạn nhân bị quấy rối tình dục, người khiếu nại, tố cáo và người bị khiếu nại, bị tố cáo.

Câu 139: *Người lao động có nghĩa vụ như thế nào trong phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc?*

- A. Thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Tham gia xây dựng môi trường làm việc không có quấy rối tình dục.
- D. Ngăn cản, tố cáo hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Câu 140: *Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có trách nhiệm như thế nào trong phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc?*

- A. Tham gia xây dựng, thực hiện, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Cung cấp thông tin, tư vấn và đại diện cho người lao động bị quấy rối tình dục, người lao động đang bị khiếu nại, bị tố cáo có hành vi quấy rối tình dục.
- D. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Câu 141: *Người sử dụng lao động phải công khai với người lao động những nội dung nào sau đây?*

- A. Tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động.
- B. Nội quy lao động, thang lương, bảng lương, định mức lao động, nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của người sử dụng lao động liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Các thỏa ước lao động tập thể mà người sử dụng lao động tham gia.

Câu 142: *Người sử dụng lao động phải công khai với người lao động những nội dung nào sau đây?*

- A. Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có).
- B. Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích của người lao động và nội dung khác theo quy định của pháp luật.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 143: *Khi làm thêm giờ vào ngày nghỉ hàng tuần, người lao động được trả lương so với mức lương thực trả cho công việc đang làm như thế nào?*

- A. Ít nhất bằng 300%.
- B. Ít nhất bằng 150%.
- C. Ít nhất bằng 200%.
- D. Ít nhất bằng 180%.

Câu 144: *Trường hợp nào sau đây thời gian được tính vào thời giờ làm việc được hưởng lương?*

- A. Nghỉ giải lao theo tính chất của công việc.
- B. Nghỉ cần thiết trong quá trình lao động đã được tính trong định mức lao động cho nhu cầu sinh lý tự nhiên của con người.
- C. Thời giờ phải ngừng việc không do lỗi của người lao động.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 145: *Thời gian thử việc đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ là bao nhiêu ngày?*

- A. Không quá 40 ngày.
- B. Không quá 30 ngày.
- C. Không quá 50 ngày.
- D. Không quá 60 ngày.

Câu 146: *Người lao động làm việc không trọn thời gian theo quy định của Bộ luật Lao động được hiểu như thế nào?*

- A. Là người lao động có thời gian làm việc ngắn hơn so với thời gian làm việc bình thường theo ngày hoặc theo tuần hoặc theo tháng được quy định trong pháp luật về lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.
- B. Là người lao động có thời gian làm việc nhiều hơn so với thời gian làm việc bình thường.
- C. Là người lao động có thời gian làm việc có thời gian làm việc bằng với thời gian làm việc theo hợp đồng nhưng thời gian nghỉ ngơi nhiều hơn.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 147: *Người lao động làm việc không trọn thời gian được đảm bảo quyền lợi như thế nào?*

- A. Được hưởng lương; bình đẳng trong thực hiện quyền và nghĩa vụ với người lao động làm việc trọn thời gian; bình đẳng về cơ hội, không bị phân biệt đối xử, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.
- B. Được đảm bảo điều kiện làm việc theo quy định.
- C. Được đảm bảo quyền và nghĩa vụ liên quan.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 148: *Những trường hợp nào sau đây chấm dứt hợp đồng lao động?*

- A. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải.
- D. Người lao động chết; bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết.

Câu 149: *Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm được tính như thế nào?*

- A. Là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.
- B. Là tiền lương bình quân của 12 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.
- C. Là tiền lương bình quân của 24 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều sai.

Câu 150: *Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm được tính như thế nào?*

- A. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.
 - B. Là tổng thời gian mà người lao động đã làm việc cho 1 người sử dụng lao động từ khi hợp đồng lao động có hiệu lực.
 - C. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc cho 1 người sử dụng lao động từ khi hợp đồng lao động có hiệu lực đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp.
 - D. Là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm./.
-